TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-PT
Ngày 22 - 9 - 2021
V/v: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mai Lan; bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc Kiện đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lò Văn LH. Trú tại: Bản H, xã NE, huyện QN, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lò Thị LH1. Trú tại: Tiểu khu 8, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Sơn La *(Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2021)*. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn TY. Trú tại: Bản H, xã NE, huyện QN, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lò Thị LH2; trú tại Bản H, xã NE, huyện QN, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Lò Thị LH3; trú tại Bản H, xã NE, huyện QN, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Lò Văn TY là bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lò Văn LH trình bày:

Anh Lò Văn TY kết hôn với chị Lò Thị LH2 (con gái ông LH). Theo thỏa thuận của hai bên gia đình, năm 2013, anh Lò Văn TY về sống với gia đình ông và nhận chăm sóc ông đến chết nên ông đã chu cấp tiền cho anh TY đi học 05 năm tại Trường Đại học A ở Hà Nội với tổng số tiền 27.964.000đ.

Đến ngày 31/7/2015, hai bên gia đình có lập biên bản thỏa thuận nếu sau này anh TY không chăm sóc vợ chồng ông thì sẽ phải trả lại gấp 03 lần số tiền ông đã chu cấp cho anh TY đi học và xin việc. Sau khi học xong, anh TY không muốn ở cùng gia đình ông nên đã bỏ về ở với anh trai ruột là Lò Văn Muôn và mẹ đẻ.

Đến ngày 04/7/2020, hai bên gia đình lập lại biên bản thỏa thuận tại Nhà văn hóa Bản H, xã NE, huyện QN, tỉnh Sơn La, anh TY nhất trí trả cho gia đình ông 84.500.000đ; hẹn trả 50.000.000đ vào ngày 30/12/2020 và 34.500.000đ vào ngày 30/12/2021.

Quá thời hạn nêu trên, anh TY không trả tiền nên ông đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La giải quyết buộc anh Lò Văn TY phải trả số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật và biên bản thỏa thuận giữa các bên.

Bị đơn anh Lò Văn TY trình bày:

Sau khi kết hôn với chị Lò Thị LH2 (con gái ông Lò Văn LH), anh đã chuyển hộ khẩu sang ở rể nhà ông LH từ năm 2013 đến năm 2020. Trong đó, thời gian anh đi học tại Trường Đại học A ở Hà Nội là 04 năm, còn 03 năm ở trực tiếp cùng gia đình ông LH. Tuy nhiên, ông LH không tính tiền công lao động phổ thông cho anh trong 03 năm ở rể nên anh không nhất trí trả số tiền 84.500.000đ như trong biên bản thỏa thuận giữa hai bên gia đình vào ngày 04/7/2020.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 08/6/2021, Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy LH3 Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lò Văn LH (*Đại diện theo ủy quyền Lò Thị LH1*) với bị đơn anh Lò Văn TY. Buộc anh Lò Văn TY phải trách nhiệm trả cho ông Lò Văn LH số tiền là 84.500.000đ (*Tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

2. Về án phí: Ông Lò Văn LH được hoàn 2.100.000đ tạm ứng án phí đã nộp

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QN, tỉnh Sơn La, theo biên lai số AA/2019/0000560 ngày 27/01/2021.

Anh Lò Văn TY phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.220.000đ

Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án dân sự của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2021, anh Lò Văn TY là bị đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La.

Ngày 06/7/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Tòa án nhân dân huyện QN đã xác định quan hệ pháp luật không đúng; xác định thiếu người tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Lò Văn TY vắng mặt, tại đơn kháng cáo và đơn đề nghị gửi Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La anh Lò Văn TY kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo như sau:

+ Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào hai biên bản thỏa thuận ngày 31/7/2015 và 04/7/2020 để buộc anh phải thực hiện theo thỏa thuận là không chính xác.

+ Ngày 09/7/2013 anh Lò Văn TY và chị Lò Thị LH2 đã kết hôn, sau đó đã chuyển hộ khẩu đến sống chung bên gia đình nhà vợ; ông LH là người xin cho anh TY đi học đại học và gửi tiền cho anh TY ăn học chứ anh TY không tự ý tự quyết định đi học; tiền gửi cho anh TY ăn học là tiền chung của gia đình; giữa anh TY và ông LH không có quan hệ vay mượn gì;

+ Biên bản thỏa thuận ngày 31/7/2015 được lập do ông LH lo hai vợ chồng anh TY ra ở riêng không chăm sóc ông LH nữa, nội dung biên bản buộc anh TY làm con nuôi và không có trách nhiệm với bố mẹ đẻ của anh TY nữa là vi phạm đạo đức xã hội;

+ Khi ông LH khởi kiện yêu cầu anh TY trả số tiền 84.500.000đ và có cung cấp các biên lai gửi tiền cho anh TY ăn học, anh TY cũng đã thừa nhận và đủ khả năng trả ông LH số tiền thực tế theo biên lai nhưng ông LH không nhận;

+ Chị Lò Thị LH2 là người làm đơn xin ly hôn anh TY, hai lần hòa giải tại Tòa án anh TY đều muốn đoàn tụ và về ở chung với bên gia đình bên vợ như trước, nhưng chị LH2 và vợ chồng ông LH không chấp nhận, nên anh TY mới ký thuận tình ly hôn.

Anh Lò Văn TY không nhất trí trả tiền cho ông LH theo bản án số 02 ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La và đề nghị hội đồng xét xử giải quyết lại vụ án khách quan đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn ông Lò Văn LH và người đại diện theo ủy quyền có ý kiến: Kháng cáo của anh Lò Văn TY là không có căn cứ, bởi lẽ biên bản thỏa thuận

ngày 31/7/2015 đã ghi rõ nội dung *"sau này nếu con gái, con dể: Lò Văn TY không đáp ứng được như: Nuôi, chăm sóc bố mẹ vợ thì số tiền ông LH cung cấp cho con dể đó, con dể phải hoàn trả lại một gấp 03 lần với số tiền đi học 05 năm và xin việc"*, như vậy biên bản đã ghi rõ việc chăm sóc ông bà LH, LH3 là thuộc trách nhiệm của vợ chồng anh TY chị LH2, nhưng do hai vợ chồng anh TY chị LH2 ly hôn, nhưng chị LH2 là con đẻ đang ở cùng ông bà và thực hiện trách nhiệm chăm sóc hai ông bà, nên không yêu cầu chị LH2 phải có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền đã thỏa thuận. Đối với anh Lò Văn TY, sau khi ly hôn đã không thực hiện việc chăm sóc ông bà LH, LH3 như thỏa thuận, đồng thời anh TY cũng là người trực tiếp sử dụng số tiền ông LH gửi cho để chi phí ăn học, ngoài ra tại biên bản thỏa thuận lần thứ 2 được lập ngày 04/7/2020 đã ghi rõ nội dung *"Ông Lò Văn TY hoãn lại số tiền bên vợ đầu tư cho TY đi học đại học trong suốt 04 năm với số tiền 84.500.000đ; Ông Lò Văn TY hẹn trả số tiền 50.000.000đ đến 30/12/2020 còn lại 34.500.000đ hẹn đến 30/12/2021 phải trả đủ cho anh Lò Văn LH"*. Với các nội dung đã thỏa thuận trên thì anh TY phải có trách nhiệm trả số tiền 84.500.000đ cho ông LH như bản án sơ thẩm đã tuyên. Ông Lò Văn LH đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh TY và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra phía nguyên đơn đề nghị hội đồng xét xử xem xét đối với những người phía bên gia đình anh Lò Văn TY đã tham gia ký biên bản thỏa thuận cũng phải có trách nhiệm cùng anh TY trả tiền cho ông LH.

- Bà Lò Thị LH3 có ý kiến: Do bà hạn chế hiểu biết và không thạo sử dụng tiếng phổ thông, nên việc thỏa thuận và ghi biên bản thỏa thuận giữa ông bà với anh Lò Văn TY đều do ông LH đại diện thực hiện, bà chỉ có mặt chứng kiến. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng vậy, ông LH là người đại diện đứng ra giải quyết vụ việc yêu cầu anh Lò Văn TY thực hiện nội dung thỏa thuận giữa vợ chồng bà với anh TY, bà LH3 nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm và không có ý kiến đề nghị gì.

- Chị Lò Thị LH2: Chị và anh Lò Văn TY kết hôn tháng 7/2013, sau khi kết hôn anh TY chuyển hộ khẩu về sống chung với bố mẹ bên vợ (ông bà LH, LH3). Quá trình chung sống ông Lò Văn LH đã cho anh Lò Văn TY đi học đại học tại Hà Nội và chu cấp tiền ăn học cho anh TY. Do trước đây vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn sau đó được gia đình hòa giải, để gắn trách nhiệm của vợ chồng chị trong việc nuôi, chăm sóc bố mẹ vợ (ông LH, bà LH3) ngày 31/7/2015 hai bên gia đình nội, ngoại đã họp và thỏa thuận nếu hai anh chị TY, LH2 không chăm sóc bố mẹ vợ nữa thì anh TY phải hoàn trả lại một gấp 03 lần với số tiền ông LH đã chu cấp cho anh TY đi học 05 năm. Do vợ chồng mâu thuẫn và anh TY bỏ về ở với anh trai nên chị LH2 đã xin ly hôn anh TY, tại Tòa án hai lần hòa giải phía anh TY không đồng ý ly hôn, nhưng do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị LH2 không nhất trí đoàn tụ, sau đó hai bên đã được Tòa án nhân dân huyện QN giải quyết cho ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 08 ngày 25/12/2020. Hiện nay ông Lò Văn LH yêu cầu anh TY phải trả lại khoản tiền đã đầu tư cho anh TY đi học theo biên lai gửi tiền là 27.964.000đ (hai mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi tư nghìn) nhân lên 03 lần, tổng là 84.500.000đ là đúng thỏa thuận và anh TY là người trực tiếp sử dụng số tiền ông LH nên phải có

trách nhiệm trả số tiền trên cho ông LH như bản án sơ thẩm đã quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung kháng nghị về xác định lại quan hệ pháp luật và người tham gia tố tụng; Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết về phần nội dung: Biên bản thỏa thuận lập ngày 31/7/2015 xác định trách nhiệm thực hiện điều kiện trong giao dịch dân sự (chăm sóc ông bà LH, LH3) là của hai vợ chồng anh TY chị LH2, nhưng nguyên nhân dẫn đến việc anh TY chị LH2 không thực hiện được cam kết với ông LH là do chị LH2 và anh TY ly hôn, trong đó chị LH2 là người chủ động ly hôn, anh TY muốn trở lại đoàn tụ nhưng chị LH2 và ông LH không đồng ý. Do vậy lỗi làm phát sinh điều kiện phá bỏ cam kết ngày 31/7/2015 phần lớn là do gia đình ông LH và chị LH2, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh TY phải có trách nhiệm trả cho ông LH toàn bộ số tiền 84.500.000đ là không thỏa đáng, chưa xem xét đến lỗi của các bên làm cho cam kết, giao dịch bị hủy bỏ, trong vụ án phải xác định lỗi của gia đình ông LH, chị LH2 là 2/3 và lỗi của anh Lò Văn TY là 1/3, nên các bên phải chịu trách nhiệm về phần lỗi của mình.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La và chấp nhận kháng cáo của anh Lò Văn TY sửa bản án sơ thẩm như sau: Sửa quan hệ pháp luật tranh chấp là kiện đòi tài sản; bổ sung chị Lò Thị LH2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩ vụ liên quan; chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lò Văn LH buộc anh Lò Văn TY phải trả lại số tiền gốc mà gia đình ông Lò Văn LH đã chu cấp cho anh TY đi học là 27.964.000đ và buộc anh TY phải chịu 18.845.000đ (1/3 của số tiền 56.356.000đ ông LH yêu cầu hoàn trả), tổng số tiền anh TY phải trả lại cho ông LH là 46.809.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Lò Văn LH và bị đơn anh Lò Văn TY xuất phát từ việc ông LH (bố vợ) cho rằng anh TY (con rể) đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo 02 Biên bản thỏa thuận lập ngày 31/7/2015 và ngày 04/7/2020, cụ thể:

Ông LH có trách nhiệm chu cấp tiền cho anh TY đi học tại Trường Đại học A tại Hà Nội; còn anh TY và vợ là chị Lò Thị LH2 có trách nhiệm chăm sóc vợ chồng ông LH bà Lò Thị LH3 đến hết đời, nếu không đáp ứng được các điều kiện trong biên bản thỏa thuận như: Nuôi, chăm sóc bố mẹ vợ (ông LH bà LH3) thì

anh TY có trách nhiệm hoàn trả gấp 03 lần số tiền gia đình bên vợ đã đầu tư cho anh TY đi học. Trên thực tế, ông LH đã gửi cho anh TY tổng số tiền 27.964.000đ để chi phí học đại học nhưng sau đó anh TY và chị LH2 đã ly hôn, nên anh TY không thực hiện nghĩa vụ của mình theo các biên bản thỏa thuận nêu trên, do đó ông LH đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh TY phải hoàn trả gấp 03 lần số tiền 27.964.000đ ông đã chu cấp cho anh TY là 84.500.000đ. Do đó, Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông Lò Văn LH là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2021, bị đơn anh Lò Văn TY đã có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện QN và anh TY đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Ngày 06/7/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 08/6/2021, Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La.

Xét về nội dung, thời hạn kháng cáo của bị đơn Lò Văn TY và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, nên được Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La chấp nhận và thụ lý, xét xử phúc thẩm theo quy định.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

- Đối với anh Lò Văn TY: Đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn và bản tự khai gửi Tòa án cấp phúc thẩm anh TY đã trình bày ý kiến quan điểm và giữ nguyên nội dung lý do đã kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc vắng mặt của anh Lò Văn TY và vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Đối với nguyên đơn ông Lò Văn LH, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lò Thị LH1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị LH3, chị Lò Thị LH2: Tại phiên tòa ngày 17/9/2021 những người này đều có mặt và đã trình bày ý kiến quan điểm đề nghị giải quyết vụ án, kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành nghị án và thông báo cho các bên đương sự về thời gian tuyên án (09 giờ, ngày 22/9/2021), tuy nhiên các đương sự đều vắng mặt, do đó căn cứ khoản 4 Điều 264 và Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án.

[4] Về tố tụng của cấp sơ thẩm.

[4.1] Về quan hệ pháp luật.

Ngày 31/7/2015 gia đình ông Lò Văn LH (bố vợ) và vợ chồng anh Lò Văn TY (con rể) đã lập biên bản thỏa thuận: Ông LH có trách nhiệm chu cấp tiền cho anh TY đi học Đại học A tại Hà Nội, còn anh TY và vợ là chị Lò Thị LH2 có trách nhiệm chăm sóc vợ chồng ông LH bà LH3 cho đến khi chết, nếu không đáp

ứng được các điều kiện trên thì anh TY có trách nhiệm hoàn trả gấp 03 lần số tiền gia đình bên vợ đã đầu tư cho anh TY đi học. Ngày 04/7/2020 hai bên gia đình ông LH và anh TY tiếp tục lập biên bản thỏa thuận trong đó có nội dung: Anh Lò Văn TY hoãn lại số tiền bên vợ đầu tư cho TY đi học đại học, số tiền 84.500.000đ anh Lò Văn TY hẹn đến ngày 30/12/2020 trả cho ông LH 50.000.000đ và hẹn đến 30/12/2021 trả đủ cho ông Lò Văn LH số tiền còn lại 34.500.000đ.

Xét thấy, việc thỏa thuận giữa gia đình ông Lò Văn LH và anh Lò Văn TY bản chất là giao dịch dân sự có điều kiện dưới hình thức hợp đồng (biên bản thỏa thuận) tặng cho tài sản có điều kiện. Theo ông LH, ông đã nhiều lần gửi tiền cho anh TY với tổng số tiền 27.964.000đ để chi phí đi học, nhưng phía anh TY đã không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc ông bà theo thỏa thuận do hai vợ chồng anh TY chị LH2 ly hôn và anh TY chuyển về sống với anh trai dẫn đến điều kiện cam kết giữa vợ chồng ông LH với vợ chồng anh TY bị phá vỡ, ông LH đã yêu cầu anh TY hoàn trả cho ông số tiền đã thỏa thuận tại hai biên bản nêu trên nhưng anh TY không chấp nhận. Do đó, ông LH đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh TY phải hoàn trả khoản tiền ông đã cho anh TY đi học theo thỏa thuận đã ký kết. Mặt khác, theo lời khai của các bên đương sự và tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án thì giữa ông LH và anh TY không có thỏa thuận về việc vay tài sản, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không đúng bản chất vụ việc, nên cần được xác định lại quan hệ pháp luật là kiện đòi tài sản mới đúng với nội dung tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án. Do đó, nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là kiện đòi tài sản, là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về việc xác định người tham gia tố tụng.

Theo hai biên bản thỏa thuận lập ngày 31/7/2015 và ngày 04/7/2020 được hai bên gia đình ký kết thì cả hai vợ chồng anh TY, chị LH2 đều có trách nhiệm chăm sóc bố mẹ vợ là ông LH và bà LH3. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định và không đưa chị LH2, bà LH3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà Lò Thị LH3 xác định mọi việc ký kết thỏa thuận và khởi kiện vụ án là do ông Lò Văn LH đứng ra làm đại diện thực hiện, bà không có ý kiến gì và nhất trí với ý kiến đề nghị của ông LH và quyết định của bản án sơ thẩm; chị Lò Thị LH2 và ông Lò Văn LH xác định sau khi chị LH2 ly hôn với anh TY, chị LH2 vẫn thực nghĩa vụ chăm sóc bố mẹ đẻ (ông LH và LH3) mà không phụ thuộc vào phía anh TY, mặt khác ông LH cũng không yêu cầu chị LH2 phải chịu trách nhiệm cùng anh TY hoàn trả tiền cho ông do anh TY vi phạm thỏa thuận. Xét thấy phía bà LH3, chị LH2 đều thống nhất với quan điểm của ông LH và nhất trí với bản án sơ thẩm, nên quyền và nghĩa vụ của những người này tại cấp sơ thẩm không bị ảnh hưởng, việc bổ sung chị Lò Thị LH2 vào tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm như nội dung kháng nghị và đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên tòa phúc thẩm sẽ đầy đủ hơn và cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, cần chấp nhận.

[5] Về nội dung.

[5.1] Xét về biên bản thỏa thuận được gia đình ông Lò Văn LH và anh Lò Văn TY, chị Lò Thị LH2 lập ngày 31/7/2015:

- Về thành phần tham gia ký kết biên bản gồm anh Lò Văn TY chị Lò Thị LH2, phía gia đình anh Lò Văn TY và có ông Lò Văn Sáng, Lò Văn Hội, Lò Văn Mấu, Lò Văn Muôn (anh trai và họ hàng của anh TY) tham gia; phía gia đình ông Lò Văn LH có ông Cà Văn Đ, Cà Công H1 (họ hàng của ông LH) tham gia; biên bản thỏa thuận có chữ ký xác nhận của Công an viên Lò Văn H2 và xác nhận của Chủ tịch ủy LH3 nhân dân xã Nậm Ét với nội dung anh Lò Văn TY chị Lò Thị LH2 có hộ khẩu tại xã NE, huyện QN.

- Nội dung biên bản có thể hiện: Ông Lò Văn LH là người cung cấp tiền cho anh Lò Văn TY đi học (mức chu cấp tùy thuộc khả năng của ông LH) và anh TY chị LH2 có trách nhiệm nuôi, chăm sóc bố mẹ vợ (ông LH, bà LH3) kể từ khi lập biên bản đến khi hai ông bà LH, LH3 chết, nếu không thực hiện được thì anh TY phải hoàn trả lại một gấp ba số tiền ông LH đã cho để đi học, xin việc.

Như vậy, như đã phân tích ở phần trên việc thỏa thuận giữa gia đình ông LH và anh TY là giao dịch dân sự có điều kiện dưới hình thức hợp đồng (biên bản thỏa thuận) tặng cho tài sản có điều kiện có đại diện hai bên gia đình tham gia và ký kết, trong biên bản đã nêu về quyền và nghĩa vụ của ông Lò Văn LH, Lò Thị LH3 và anh Lò Văn TY, chị Lò Thị LH2. Tuy nhiên, các chủ thể tham gia ký kết biên bản thỏa thuận nêu trên có anh Lò Văn TY, chị Lò Thị LH2 và một số người bên gia đình anh TY và ông LH, mà không có sự tham gia của ông Lò Văn LH, bà Lò Thị LH3, mặt khác những người đại diện bên gia đình ông LH (ghi trong biên bản) cũng không có sự ủy quyền của ông LH bà LH3 để tham gia lập biên bản và không đại diện ông LH bà LH3 để thực hiện quyền và nghĩa vụ thỏa thuận trong biên bản; phía chính quyền địa phương có ý kiến chỉ xác nhận về hộ khẩu thường trú của anh TY, chị LH2 chứ không xác nhận về nội dung thỏa thuận.

Xét thấy, biên bản thỏa thuận được các bên lập ngày 31/7/2015 là không đảm bảo về điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật, bởi chủ thể chính trong ký kết giao dịch dân sự với anh TY và chị LH2 là ông Lò Văn LH và bà Lò Thị LH3 không tham gia thỏa thuận và không ủy quyền cho người khác đại diện thực hiện, nên những nội dung được thể hiện trong biên bản không phải là ý trí, nguyện vọng, sự tự nguyện thỏa thuận của ông Lò Văn LH, bà Lò Thị LH3. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 117, Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch (thoả thuận) nêu trên là vô hiệu, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm ký kết.

[5.2] Về biên bản thỏa thuận được gia đình ông Lò Văn LH và anh Lò Văn TY, chị Lò Thị LH2 lập ngày 04/7/2020:

Ngày 04/7/2020 gia đình ông Lò Văn LH và anh Lò Văn TY tiếp tục lập biên bản thỏa thuận nội dung: Anh Lò Văn TY hoãn lại số tiền bên vợ đầu tư cho đi học đại học trong suốt 04 năm với số tiền 84.500.000đ và hẹn đến 30/12/2020 anh TY trả cho ông LH 50.000.000đ và ngày 30/12/2021 trả 34.500.000đ, mục đích

lập biên biên bản thỏa thuận trên là ra hạn cho anh TY hoàn trả tiền ông LH số tiền (gấp 3 lần) theo biên bản thỏa thuận ngày 31/7/2015, ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia đất sản xuất cho TY. Xét thấy nội dung thỏa thuận ngày 04/7/2020 các bên đều thừa nhận là được lập để thực hiện nội dung đã cam kết trong biên bản thỏa thuận ngày 31/7/2015, nhưng biên bản thỏa thuận ngày 31/7/2015 đã được xác định là giao dịch dân sự vô hiệu, nên biên bản thỏa thuận các bên lập ngày 04/7/2020 cũng không có hiệu lực thực hiện và không được chấp nhận.

5.3] Về việc thực hiện nội dung thỏa thuận:

Việc thỏa thuận của ông bà LH, LH3 và anh chị TY, LH2 tại hai biên bản nêu trên được xác định là giao dịch dân sự vô hiệu, nhưng hai bên đã thực hiện được một phần thỏa thuận, trong đó ông LH đã chuyển tiền cho anh TY 13 lần với tổng số tiền 27.964.000đ và anh TY cũng chuyển khẩu về chung sống cùng gia đình ông LH cho đến thời điểm xảy ra mâu thuẫn vợ chồng thì anh LH chuyển về ở với anh trai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các biên bản thỏa thuận giữa hai bên gia đình ông Lò Văn LH và anh Lò Văn TY được lập ngày 31/7/2015 và ngày 04/7/2020 để xác định lỗi hoàn toàn thuộc về anh Lò Văn TY và buộc anh TY phải có trách nhiệm trả cho ông LH toàn bộ số tiền 84.500.000đ là chưa đúng, chưa xem xét đánh giá đúng nguyên nhân, điều kiện và lỗi trong việc ký kết biên bản thỏa thuận bị hủy bỏ do xác định là giao dịch dân sự vô hiệu.

Về việc ký kết thỏa thuận giữa các bên như đã phân tích phần trên, thì các bên đều có lỗi dẫn đến giao dịch dân sự vô hiệu, trong đó phía ông LH bà LH3 không tham gia ký kết biên bản thỏa thuận lập ngày 31/7/2017, phía anh TY chị LH2 đã tham gia giao dịch với những người khác trong gia đình ông LH (theo anh TY là do phía gia đình ông LH lo hai vợ chồng anh TY ra ở riêng không chăm sóc ông LH nữa, nên đã ép buộc anh ký biên bản), sau đó anh TY tiếp tục ký thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận lập 04/7/2020 dẫn đến các bên lầm tưởng giao dịch có hiệu lực thực hiện và xảy ra tranh chấp, nên xác định phía ông LH, anh TY, chị LH2 đều có lỗi trong việc làm cho giao dịch (thỏa thuận) vô hiệu. Trong vụ việc trên anh Lò Văn TY là người đã được nhận tài sản từ ông Lò Văn LH (số tiền 27.964.000đ), do đó phải hoàn trả cho ông LH số tiền này; ông Lò Văn LH yêu cầu anh Lò Văn TY trả số tiền còn lại 56.536.000đ (tính theo thỏa thuận 1 gấp 3 lần nếu vi phạm cam kết), do xác định giao dịch dân sự đã vô hiệu nên yêu cầu trên của ông LH không được chấp nhận. Do các bên đều có lỗi làm cho giao dịch dân sự vô hiệu nên phải tự chịu trách nhiệm về thiệt hại của mình (nếu có).

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn TY, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La và sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 08/6/2021, Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La.

[7] Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa về phần trách nhiệm dân sự,

nên cần xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, trong đó: anh Lò Văn TY phải chịu án phí đối với khoản tiền phải hoàn trả cho ông Lò Văn LH và ông Lò Văn LH phải chịu án phí đối với phần yêu cầu bồi thường không được Tòa án chấp nhận.

- Về án phí phúc thẩm: Anh Lò Văn TY không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La và chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn TY, sửa bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La như sau:

1. Căn cứ Điều 117; Điều 120; Điều 122; Điều 131; khoản 3 Điều 462; khoản 4 Điều 402 Bộ luật dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lò Văn LH (đại diện theo ủy quyền: bà Lò Thị LH1) với bị đơn anh Lò Văn TY:

Buộc anh Lò Văn TY phải có trách nhiệm trả lại cho ông Lò Văn LH số tiền 27.964.000đ (hai mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi tư nghìn đồng)

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lò Văn LH (đại diện theo ủy quyền: bà Lò Thị LH1) về phần yêu cầu anh Lò Văn TY hoàn trả số tiền 56.536.000 (năm mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 25, khoản 1, khoản 4 Điều 26, Điều 28, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy LH3 Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lò Văn TY phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.398.000đ (một triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn đồng), nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện QN tỉnh Sơn La.

- Ông Lò Văn LH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 2.826.800đ (hai triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm đồng) và được khấu trừ vào số tiền 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QN, tỉnh Sơn La, theo biên lai số AA/2019/0000560 ngày 27/01/2021. Ông Lò Văn LH còn phải nộp tiếp là 726.800đ (bảy trăm hai sáu nghìn tám trăm đồng) tại

chi cục thi hành án dân sự huyện QN tỉnh Sơn La.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lò Văn TY không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000594 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QN, tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2021).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện QN;
- Chi cục THADS huyện QN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Huy Hiệp